TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1116/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Vũ Thúy Hằng
Bà Lê Thị Bích Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1973 (yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: New York 10463 USA.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: 180/9 Đường T, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết L kết hôn vào năm 2006, giấy chứng nhận kết hôn số 2744, quyển số 10, ngày 22/08/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Một tháng sau khi kết hôn ông trở lại Mỹ, bà L thì sống tại Việt Nam. Qua các cuộc điện thoại trao đổi ông nhận thấy giữa ông và bà L có quá nhiều khác biệt quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống xa cách cũng làm hai bên không còn tình cảm với nhau, không thể hòa hợp.

Ông thấy không thể có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, nên để ổn định cuộc sống mới, ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà L không có mặt.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Ông T ủy quyền lại cho bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1985, thay mặt ông nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 16 tháng 02 năm 2017 ông Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho đương sự được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết L. Do ông T đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L nhiều lần nhưng bà L không đến tòa ghi nhận lời khai. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ bản tự khai ngày 17/03/2017 của ông T và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông T và bà L đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, nên Tòa án không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm ông T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T như sau:

1/ Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Tuyết L ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Tuyết L chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 2744, quyển số 10, ngày 22 tháng 08 năm 2006, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác nhận không có nên Tòa án không xem xét.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng T phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số AA/2016/33664, ngày 01/03/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm :

Đối với Bà Nguyễn Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày bà L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Nguyễn Trọng T vắng mặt, ủy quyền cho bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1985, địa chỉ: 180/6 đường B, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thay, quyền kháng cáo bản án đối với ông T là 01 tháng kể từ ngày bà P nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mỹ Hạnh